TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **51**/2024/QĐST- HNGĐ	*Quốc Oai, ngày 29 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Sỹ Danh Huệ**

2. Ông **Nguyễn Văn Thắng**

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213; Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 59 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 176/2023/TLST−HN&GĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc "tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐ-HPT ngày 05 tháng 02 năm 2024.

XÉT THẤY:

Chị Kiều Thị T và anh Từ Văn T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 10 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44; Quyển số 01/2013. Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Kiều Thị T**, sinh năm 1995; Căn cước công dân số: 001195039838 cấp ngày 14/5/2023 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: xóm 1, thôn L, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: Anh **Từ Văn T**, sinh năm 1991; Căn cước công dân số: 001091037951 cấp ngày 16/4/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: xóm 1, thôn L, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Kiều Thị T** và anh **Từ Văn T** thuận tình ly hôn.

b) Về con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung là cháu **Từ Thị T**, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2015 và cháu **Từ Thị L**, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2017. Giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu L; Giao anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T kể từ tháng 02 năm 2024 đến khi các con chung đủ 18 hoặc có quyết định thay đổi khác. Hai bên không phải T hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Kiều Thị T và anh Từ Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

c) Về tài sản chung và nhà ở:

- Hai bên xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì;

d) Về các khoản vay nợ:

Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Kiều Thị T tự nguyện nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000780 ngày 13 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Q;
- Chi Cục THA dân sự huyện Q;
- UBND xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long